

BÁO CÁO

**Tình hình, kết quả thực hiện các quy định
của pháp luật về hòa giải ở cơ sở trên địa bàn xã Nguyễn Huân
(số liệu từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/3/2020)**

Thực hiện Công văn số 2025/CV-UBND ngày 09/6/2020 của Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi về việc báo cáo tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở (HGCS); Ủy ban nhân dân Nguyễn Huân báo cáo tình hình thực hiện các quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở (từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/6/2020) trên địa bàn xã Nguyễn Huân, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, HƯỚNG DẪN, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN

1. Khái quát tình hình địa phương

Nguyễn Huân là xã ven biển, thuộc vùng sâu, vùng xa, cách trung tâm huyện Đầm Dơi khoảng 32 km về hướng Đông, xã có diện tích tự nhiên 11.102,35 ha, có 02 cửa sông thông ra biển với chiều dài bờ biển 15 km, hệ thống sông ngòi chằng chịt, địa giới hành chính phân thành 13 ấp, địa bàn dân cư phân bố không đồng đều, dân số 3.615 hộ, 17.539 khẩu; cơ sở hạ tầng còn thấp, giao thông đi lại bằng đường thủy chiếm gần 50%, đường bộ trên 50%, đời sống của nhân dân sống chủ yếu bằng nghề đánh bắt, nuôi thủy sản và một phần công thương nghiệp. Bên cạnh đó, Nguyễn Huân cũng là nơi hội tụ dân cư nhiều địa phương đến đây mua bán, sinh sống và lập nghiệp làm tình hình chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội phát triển theo hướng tích cực, lộ giao thông được nâng cấp và làm mới đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại của nhân dân. Từ đó, tạo điều kiện thuận lợi trong công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật đến từng cán bộ và nhân dân, tạo điều kiện thuận lợi trong hoạt động công tác Tư pháp trên địa bàn xã Nguyễn Huân nói riêng, công tác hòa giải cơ sở nói chung.

2. Tình hình quán triệt, chỉ đạo, hướng dẫn, triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về HGCS

Tiếp tục thực hiện Luật Hòa giải ở cơ sở năm 2013; Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở; Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 30/7/2014 quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán, quản lý, sử dụng và quyết toán ngân sách nhà nước thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở; Quyết định số 428/QĐTTg ngày 18/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên cơ sở giai đoạn 2019 – 2022”; Nghị quyết số 19/2014/NQ-HĐND ngày 10/12/2014 của HĐND tỉnh Cà Mau về ban hành mức chi thực hiện công tác HGCS trên địa bàn tỉnh; các văn bản có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn của tỉnh, huyện về triển khai thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở, Ủy ban nhân dân xã ban hành các văn bản tổ chức triển khai thực hiện trên địa bàn.

Từ năm 2016 đến nay, UBND xã phối hợp với Hội đồng phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh, huyện tổ chức triển khai Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản có liên quan được 02 cuộc, có 200 cán bộ, công chức và hòa viên tham dự. Ngoài ra, còn cử 20 cán bộ, công

chức và hòa giải viên tham dự 04 cuộc tập huấn do tỉnh, huyện tổ chức theo quy định số lượng của cấp trên.

3. Đánh giá tình hình chỉ đạo, thực hiện và công tác tham mưu thực hiện quản lý nhà nước về HGCS tại địa phương

Để triển khai thực hiện có hiệu quả công tác HGCS, Trong thời gian qua, hàng năm Ủy ban nhân dân xã ban hành 05 Kế hoạch thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở trên địa bàn xã và ban hành 01 Kế hoạch tổ chức thực hiện Đề án “Nâng cao năng lực đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2019-2022” theo Quyết định số 428/QĐTTg ngày 18/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ. Đồng thời, tổ chức triển khai, quán triệt cho cán bộ, công chức, hòa giải viên, các ấp nằm trên địa bàn xã năm, thực hiện.

4. Tình hình và kết quả triển khai thực hiện Đề án “Nâng cao năng lực cho đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2019 – 2022”

Thực hiện Kế hoạch số 117/KH-UBND ngày 31/7/2019 của Ủy ban nhân dân huyện Đầm Dơi về thực hiện Đề án “Nâng cao năng lực cho đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2019 - 2022” trên địa bàn huyện Đầm Dơi, Ủy ban nhân dân xã ban hành Kế hoạch cụ thể hóa vào tình hình thực tế địa phương triển khai đến cán bộ, công chức, các ấp nằm, thực hiện và từng bước nâng cao năng lực cho đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở nhằm giải quyết kịp thời, hiệu quả các mâu thuẫn, tranh chấp vi phạm pháp luật, góp phần góp phần bảo đảm ổn định, trật tự, trật tự an toàn xã hội, giảm bớt các vụ việc phải chuyển đến Tòa án hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết, tiết kiệm được thời gian, kinh phí chi nhà nước và nhân dân, từ đó góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội ở địa phương được phát triển. Đến nay, đơn vị xã đã thành lập được đội ngũ tập huấn viên tại xã với 06 thành viên làm đầu mối trong thực hiện “Đề án Nâng cao năng lực cho đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở giai đoạn 2019 – 2022” tại đơn vị.

5. Sự phối hợp giữa UBND với Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên của Mặt trận trong công tác HGCS

UBND xã xây dựng Kế hoạch liên tịch với Ủy ban MTTQVN và các tổ chức thành viên của Mặt trận. Đặc biệt, thực hiện Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT/CP-UBTUMTTQVN ngày 18/11/2014 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam ban hành Nghị quyết liên tịch hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở giữa cơ quan Tư pháp với UBMTTQ về thực hiện công tác xây dựng, củng cố kiện toàn tổ chức các Tổ hòa giải hoạt động hiệu quả. Hàng năm, cung cấp tài liệu pháp luật cho đội ngũ hòa giải viên. Bên cạnh đó, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã tăng cường công tác phối hợp, chủ động lồng ghép hoạt động hòa giải vào các phong trào, cuộc vận động của địa phương.

II. VỀ TÌNH HÌNH TỔ CHỨC HÒA GIẢI Ở CƠ SỞ

1. Tình hình thực hiện các quy định về thành lập, kiện toàn Tổ hòa giải ở ấp

Thực hiện Luật hòa giải ở cơ sở năm 2013; Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT/CP-UBTUMTTQVN ngày 18/11/2014 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn phối hợp thực hiện một số quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở và Quyết định số 1547/QĐ-UBND ngày 21/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Hòa giải ở cơ sở áp dụng chung tại UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Cà Mau. Hàng năm, UBND xã phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc

Việt Nam rà soát, đánh giá về tổ chức, hoạt động, củng cố, kiện toàn các tổ hòa giải trên địa bàn xã.

Trên cơ sở đó, năm 2016, tổ chức củng cố tổ hòa giải các ấp gồm 13 tổ, có 81 hòa giải viên (trong đó, có 16 hòa giải viên nữ, 01 hòa giải viên dân tộc: Khmer; hòa giải viên thành phần đa số là cán bộ, ban, ngành đoàn thể ấp). Năm 2017, đơn vị xã tổ chức bầu lại tổ hòa giải các ấp, tổ trưởng tổ hòa giải và hòa giải viên (theo nhiệm kỳ bầu trưởng ấp), toàn xã có 13 tổ hòa giải, có 13 tổ trưởng và 91 hòa giải viên (trong đó: có 16 nữ, 01 hòa giải viên dân tộc: Khmer). Năm 2018, đơn vị xã tiếp tục củng cố tổ hòa giải, hòa giải viên các ấp, qua cũng cố có 10 hòa giải viên nghỉ cho thôi làm hòa giải viên (do sức khỏe, hoàn cảnh gia đình và thôi công tác ấp); đồng thời công nhận 10 hòa giải viên mới. Năm 2019, qua cũng cố tổ trưởng tổ hòa giải, hòa giải viên, gồm: công nhận mới 02 tổ trưởng tổ hòa giải, có 18 hòa giải viên nghỉ cho thôi làm hòa giải viên (do sức khỏe, hoàn cảnh gia đình và thôi công tác ấp); đồng thời công nhận 18 hòa giải viên mới. Năm 2020, qua củng cố, có 07 hòa giải viên thôi làm hòa giải viên, đồng thời công nhận 07 hòa giải viên mới. Từ năm, 2017 đến nay, số lượng tổ hòa giải ấp trên địa bàn xã là 13 tổ, có 91 hòa giải viên.

Cách thức bầu, thủ tục thành lập, kiện toàn Tổ hòa giải, hòa giải viên, số lượng hòa giải viên trong mỗi tổ hòa giải được thực hiện đúng theo quy định của Luật hòa giải cơ sở năm 2013; Nghị định số 15/2014/NĐ-CP ngày 27/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hòa giải ở cơ sở; Nghị quyết liên tịch số 01/2014/NQLT/CP-UBTUMTTQVN ngày 18/11/2014 của Chính phủ và Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Quyết định số 1547/QĐ-UBND ngày 21/9/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực Hòa giải ở cơ sở áp dụng chung tại UBND cấp xã.

2. Số Tổ hòa giải, hòa giải viên

Tính đến nay, trên địa bàn xã có 13 Tổ hòa giải/13 ấp với tổng số 91 hòa giải viên (trong đó, có 16 hòa giải viên nữ, 01 hòa giải viên dân tộc: Khmer; hòa giải viên thành phần đa số là cán bộ, ban, ngành đoàn thể ấp); số tổ hòa giải, hòa giải viên được thực hiện theo Quyết định về ấn định số tổ hòa giải và hòa giải viên của các ấp trên địa bàn xã của chủ tịch UBND xã (trong đó: mỗi ấp thành 01 tổ hòa giải, mỗi tổ có 07 hòa giải viên). So với nhiệm kỳ trước (nhiệm kỳ 2010 – 2015), về Tổ hòa giải, không tăng, không giảm về số tổ hòa giải (13 tổ/ 13 ấp), về hòa giải viên tăng 26 hòa giải viên (cụ thể: nhiệm kỳ 2010 – 2015, có 13 tổ hòa giải/13 ấp, có 65 hòa giải viên, mỗi tổ có 5 hòa giải viên. Trong đó, có 13 nữ, dân tộc Khmer 01 hòa giải viên).

Trong thời gian qua, quá trình thực hiện Quyết định số 428/QĐTTg ngày 18/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ và căn cứ vào tình hình thực tế của đơn vị teo mục tiêu đã đề ra, đơn vị đã thực hiện đảm bảo và đạt được một số kết quả cao. Nhìn chung, các Tổ hòa giải hòa giải trên địa bàn đều được củng cố kiện toàn, đảm bảo về số lượng, thành phần quy định, mỗi tổ hòa giải đều có 07 hòa giải viên và có ít nhất 01 nữ đáp ứng tình hình thực tế và nhu cầu của địa phương (có danh sách kèm theo) cơ bản đáp ứng theo mục tiêu đề ra tại Quyết định số 428/QĐ-TTg ngày 18/4/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

3. Đánh giá chất lượng, hiệu quả hoạt động của Tổ hòa giải trong thời gian qua và hiện nay

Từ khi có Luật Hòa giải ở cơ sở thì công tác hòa giải được thực hiện đúng quy định, đi vào nề nếp, các vụ việc mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân được giải quyết kịp

thời, góp phần tăng cường sự đoàn kết trong cộng đồng dân cư, kịp thời ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật, góp phần bảo đảm ổn định, trật tự, trật tự an toàn xã hội, giảm bớt các vụ việc phải chuyển đến Tòa án hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết, tiết kiệm được thời gian, kinh phí chi nhà nước và nhân dân, từ đó góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội ở địa phương được phát triển. Từ đó, UBND xã luôn quan tâm, chỉ đạo củng cố, kiện toàn các tổ hòa giải, xây dựng lực lượng hoà giải viên có đủ tiêu chuẩn, năng lực. Hiện nay, trên địa bàn xã có 13 tổ hòa giải/ 13 ấp với 91 hòa giải viên. Về trình độ chuyên môn, chưa qua đào tạo 91 người; số hòa giải viên được bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ hòa giải là 91 hòa giải viên. Nhìn chung, các tổ hòa giải hoạt động đúng quy chế, hòa giải viên là những người uy tín, phẩm chất đạo đức tốt, có kỹ năng vận động, thuyết phục và được bầu chọn công khai, dân chủ, do đó tỷ lệ hòa giải thành đạt tỷ lệ cao.

Trên địa bàn xã chất lượng, hiệu quả hoạt động của các tổ hòa giải cụ thể như sau: Có 04 Tổ hòa giải hoạt động tốt (ấp Tân Thành, ấp Minh Hùng, ấp Hiệp Dư và ấp Chánh Tài), đạt 30,8%; có 7 tổ hòa giải hoạt động Khá (ấp Hải An, ấp Văn Luyện, ấp Tân Hòa, ấp Tân Hiệp, ấp Phú Nhuận, ấp Hồng Phước và ấp Mai Hoa), đạt 53,8%; còn lại 02 Tổ hòa giải hoạt động trung bình (ấp Vàm Đầm và ấp Ánh Dân), đạt 15,4%.

4. Đánh giá chất lượng của hòa giải viên đã qua và hiện nay

Trước kia, các hòa giải viên tiến hành hòa giải chủ yếu vận dụng từ kinh nghiệm thực tế, các hòa giải viên chưa được bồi dưỡng kiến thức pháp luật, hướng dẫn nghiệp vụ và kỹ năng hòa giải ở cơ sở, từ đó trong quá trình hòa giải đối với các vụ việc phức tạp các hòa giải viên còn lúng túng, chưa đưa ra được căn cứ pháp lý cho nguyên đơn, bị đơn nắm rõ, hiểu để cùng tiến hành thỏa thuận, thương lượng với nhau dẫn đến hòa giải thành đạt hiệu quả chưa cao.

Trong thời gian gần đây, các ngành các cấp luôn quan tâm lãnh, chỉ đạo trong công tác hòa giải ở cơ sở; bởi vì, công tác hòa giải ở cơ sở được thực hiện đúng quy định, đi vào nề nếp, có hiệu quả tốt nhất thì các vụ việc mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân được giải quyết kịp thời, góp phần tăng cường sự đoàn kết trong cộng đồng dân cư, kịp thời ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật, góp phần bảo đảm ổn định, trật tự, trật tự an toàn xã hội, giảm bớt các vụ việc phải chuyển đến Tòa án hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết; tiết kiệm được thời gian, kinh phí chi nhà nước và nhân dân, từ đó góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội ở địa phương được phát triển.

Hiện nay, công tác hòa giải được thực hiện hiệu quả đã nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của người dân, giữ vững an ninh trật tự địa phương. Nhiều năm qua, tại ấp Minh Hùng, ấp Chánh Tài các vụ tranh chấp, mâu thuẫn được tổ hòa giải tiếp nhận và giải quyết kịp thời, hạn chế đơn thư lên cấp trên. Khi tiếp nhận vụ việc, các thành viên tổ hòa giải nắm rõ nội dung tranh chấp, nguyên nhân phát sinh, đến tận nơi tìm hiểu, xác minh, nghe nhận định của những người xung quanh để có thêm cơ sở đánh giá, hướng giải quyết “thấu tình, đạt lý”. Điển hình là ông Nguyễn Tấn Đức – Tổ trưởng Hòa giải ấp Chánh Tài và bà Huỳnh Kiều Phương – Tổ trưởng tổ hòa giải ấp Minh Hùng làm tốt công tác hòa giải ở cơ sở.

5. Về tổ chức bồi dưỡng, hướng dẫn nghiệp vụ, kỹ năng hòa giải cho hòa giải viên

Để nâng cao hơn nữa chất lượng hòa giải ở cơ sở, UBND xã luôn tăng cường công tác quản lý Nhà nước, đẩy mạnh phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức thành viên trong công tác củng cố, hoạt động hòa giải ở cơ sở; sự hỗ trợ của cơ

quan Tư pháp cấp trên trong công tác bồi dưỡng kiến thức pháp luật, hướng dẫn nghiệp vụ, trang bị kỹ năng và cung cấp tài liệu cho đội ngũ hòa giải viên trên địa bàn xã. Năm 2016 đến nay, UBND xã phối hợp với Hội đồng phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh, huyện tổ chức triển khai Luật Hòa giải ở cơ sở và các văn bản có liên quan được 02 cuộc có 200 cán bộ, công chức và hòa viên tham dự. Ngoài ra, còn cử 20 cán bộ, công chức và hòa giải viên tham dự 04 cuộc tập huấn do tỉnh, huyện tổ chức.

III. TÌNH HÌNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG HGCS

1. Về nhận thức của cấp ủy, chính quyền, đoàn thể và người dân ở địa phương về công tác HGCS

Nhận thức rõ vai trò và tầm quan trọng của công tác hòa giải ở cơ sở, Đảng ủy trong công tác chỉ đạo, còn UBND xã luôn tăng cường công tác phối hợp với Ủy ban MTTQVN và các đoàn thể cấp xã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ quyền hạn theo thẩm quyền cấp xã trong công tác hòa giải cơ sở. Do đó, công tác hòa giải ở cơ sở của xã những năm gần đây có nhiều chuyển biến tích cực với kết quả đáng ghi nhận. Hàng năm, UBND xã không ngừng đẩy mạnh thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật, thông qua các hình thức như: cung cấp cho các Tổ hòa hòa giải ở cơ sở, hoà giải viên; phối hợp tổ chức Hội nghị tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ... nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân, tăng cường tập huấn kỹ năng hòa giải, nghiệp vụ tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật cho lực lượng hòa giải viên, xem công tác tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật trong quá trình hòa giải là “kênh” quan trọng, định kỳ 6 tháng, hàng năm đánh giá kết quả thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở.

2. Kết quả giải quyết vụ việc hòa giải của Tổ hòa giải

Từ năm 2016 đến ngày 30/6/2020, các Tổ hòa giải ở cơ sở tiếp nhận 94 đơn yêu cầu hòa giải (*đất đai: 11 đơn, dân sự: 79 đơn, hôn nhân gia đình: 04 đơn*), đưa ra hòa giải 94/94 đơn, đạt 100%, hòa giải thành 80/94 đơn, đạt 85,1% không thành 14/94 đơn, chiếm 14,9%. Cụ thể như sau:

- Năm 2016, tổng số đơn tiếp nhận 44 đơn (trong đó: Đất đai: 09 đơn; Dân sự 31 đơn; Hôn nhân gia đình: 04), đưa ra hòa giải 44/44 đơn, đạt 100%, hòa giải thành 39/44 đơn, đạt 88,6%, không thành 05/44 đơn, chiếm 11,4%.

- Năm 2017, tổng số đơn tiếp nhận 10 đơn (trong đó: Dân sự 10 đơn), đưa ra hòa giải 10/10 đơn, đạt 100%, hòa giải thành 07/10 đơn, đạt 70%, không thành 03/10 đơn, chiếm 30%.

- Năm 2018, tổng số đơn tiếp nhận 26 đơn (trong đó: Dân sự 26 đơn), đưa ra hòa giải 26/26 đơn, đạt 100%, hòa giải thành 22/26 đơn, đạt 84,6%, không thành 04/26 đơn, chiếm 15,4%.

- Năm 2019, tổng số đơn tiếp nhận 12 đơn (trong đó: đất đai: 02 đơn Dân sự 10 đơn), đưa ra hòa giải 12/12 đơn, đạt 100%, hòa giải thành 10/12 đơn, đạt 83,3%, không thành 02/12 đơn, chiếm 11,7%.

- Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020, tổng số đơn tiếp nhận 02 đơn (trong đó: Dân sự 02 đơn), đưa ra hòa giải 02/02 đơn, đạt 100%, hòa giải thành 02/02 đơn, đạt 100%.

Thực tiễn hoạt động hòa giải thời gian qua đã khẳng định ý nghĩa của công tác này trong xây dựng tình làng nghĩa xóm, đảm bảo an ninh trật tự địa bàn. Khi hòa giải, hòa giải viên đã dựa vào những chuẩn mực đạo đức, văn hóa ứng xử, phong tục, tập

quán tốt đẹp để tác động đến tâm tư, tình cảm của các bên và quy định của pháp luật để giải thích, hướng dẫn, giúp họ hiểu được quyền, nghĩa vụ của mình để dàn xếp ổn thỏa với nhau. Các vụ việc hòa giải thành các bên đương sự đều thống nhất thực hiện, mối quan hệ tình làng nghĩa xóm ngày càng được gắn kết.

IV. VỀ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG HÒA GIẢI Ở XÃ

Thực hiện theo quy định Luật Đất đai năm 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật Đất đai và Quyết định số 97/QĐ-UBND ngày 19/01/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Ma về công bố thủ tục hành chính hòa giải lĩnh vực đất đai, đơn vị xã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ quyền hạn theo thẩm quyền cấp xã. Từ đó, công tác Hòa giải của Hội đồng hòa giải ở xã được thực hiện đúng quy định, đi vào nề nếp, có hiệu quả tốt dẫn đến các vụ việc mâu thuẫn đất đai trong nội bộ nhân dân được giải quyết kịp thời, góp phần tăng cường sự đoàn kết trong cộng đồng dân cư, kịp thời ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật, góp phần bảo đảm ổn định, trật tự, trật tự an toàn xã hội, giảm bớt các vụ việc phải chuyển đến Tòa án hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giải quyết; tiết kiệm được thời gian, kinh phí chi nhà nước và nhân dân, từ đó góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội ở địa phương được phát triển.

Tính từ năm 2016 đến nay, Hội đồng hòa giải tranh chấp đất đai xã đã tiếp nhận 11 đơn yêu cầu hòa giải, đưa ra hòa giải 11/11 đơn, đạt 100%, hòa giải thành 02/11 đơn, đạt 18,2%, không thành chiếm 09/11 đơn, chiếm 81,8%, đơn vị hướng dẫn người dân hoàn thành hồ sơ chuyển cơ quan có thẩm quyền giải quyết theo quy định 09 đơn. Cụ thể như sau:

- Năm 2016, tổng số đơn tiếp nhận 03 đơn, đưa ra hòa giải 03/03 đơn, đạt 100%, kết quả hòa giải thành 01/03 đơn, đạt 33,3%, không thành 02/03 đơn, chiếm 66,7%; hướng dẫn chuyển tòa án giải quyết 02 đơn.

- Năm 2017, tổng số đơn tiếp nhận 02 đơn, đưa ra hòa giải 02/02 đơn, đạt 100%, kết quả hòa giải thành 00/02 đơn, đạt 00%, không thành 02/02 đơn, chiếm 100%; hướng dẫn chuyển tòa án giải quyết 02 đơn.

- Năm 2018, tổng số đơn tiếp nhận 04 đơn, đưa ra hòa giải 04/04 đơn, đạt 100%, kết quả hòa giải thành 01/04 đơn, đạt 25%, không thành 03/04 đơn, chiếm 75%; hướng dẫn chuyển tòa án giải quyết 03 đơn.

- Năm 2019, tổng số đơn tiếp nhận 02 đơn, đưa ra hòa giải 02/02 đơn, đạt 100%, kết quả hòa giải thành 00/02 đơn, đạt 00%, không thành 02/02 đơn chiếm 100%; hướng dẫn chuyển tòa án giải quyết 02 đơn.

- Từ ngày 01/01/2020 đến ngày 30/6/2020, đơn vị chưa tiếp nhận trường hợp nào về tranh chấp đất đai trên địa bàn xã thuộc thẩm quyền giải quyết.

V. TÌNH HÌNH KINH PHÍ ĐẢM BẢO CHO CÔNG TÁC HGCS THEO THÔNG TƯ LIÊN TỊCH SỐ 100/2014/TTLT-BTC-BTP VÀ NGHỊ NGHỊ QUYẾT SỐ 19/2014/NQ-HĐND

Để không ngừng nâng cao hiệu quả công tác hoà giải ở cơ sở, hàng năm HĐND xã thống nhất phân bổ ngân sách xã cho công tác hòa giải ở cơ sở với nguồn kinh phí từ 20 - 25 triệu đồng/năm, để tổ chức hỗ trợ kinh phí hoạt động và tổ chức hòa giải. Theo đó, UBND xã tự cân đối chi cho công tác này đảm bảo chi, thanh – quyết toán

đúng quy định tại Thông tư liên tịch số 100/2014/TTLT-BTC-BTP ngày 30/07/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện công tác hòa giải ở cơ sở và Nghị quyết số 19/2014/NQ-HĐND ngày 10/12/2014 của HĐND tỉnh ban hành mức chi thực hiện công tác hòa giải cơ sở trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

Từ năm 2016 đến ngày 30/6/2020, tổng số tiền chi cho công tác hòa giải ở cơ sở là **87.000.000 đồng**, (bao gồm: chi cho hoạt động của Tổ hòa giải 100.000 đồng/tháng; chi thù lao hòa giải viên của Tổ hòa giải là 200.000 đồng/01 vụ hòa giải thành; 150.000 đồng/01 vụ hòa giải không thành). Cụ thể như sau:

- Năm 2016, tổng chi 24.150.000 đồng. Trong đó: Thanh toán thù lao cho hòa giải viên của Tổ hòa giải là 8.550.000 đồng; Chi hỗ trợ cho hoạt động của tổ hòa giải (mua văn phòng phẩm, sao chụp tài liệu, nước uống phục vụ các cuộc họp của tổ hòa giải): 15.600.000 đồng;

- Năm 2017, tổng chi 17.450.000 đồng. Trong đó: Thanh toán thù lao cho hòa giải viên của Tổ hòa giải là 1.800.000 đồng; Chi hỗ trợ cho hoạt động của tổ hòa giải (mua văn phòng phẩm, sao chụp tài liệu, nước uống phục vụ các cuộc họp của tổ hòa giải): 15.600.000 đồng;

- Năm 2018, tổng chi 20.600.000 đồng. Trong đó: Thanh toán thù lao cho hòa giải viên của Tổ hòa giải là 5.000.000 đồng; Chi hỗ trợ cho hoạt động của tổ hòa giải (mua văn phòng phẩm, sao chụp tài liệu, nước uống phục vụ các cuộc họp của tổ hòa giải): 15.600.000 đồng;

- Năm 2019, tổng chi 17.900.000 đồng. Trong đó: Thanh toán thù lao cho hòa giải viên của Tổ hòa giải là 2.300.000 đồng; Chi hỗ trợ cho hoạt động của tổ hòa giải (mua văn phòng phẩm, sao chụp tài liệu, nước uống phục vụ các cuộc họp của tổ hòa giải): 15.600.000 đồng;

- Năm 2020, tổng chi 6.900.000 đồng. Trong đó: Thanh toán thù lao cho hòa giải viên của Tổ hòa giải là 400.000 đồng; Chi hỗ trợ cho hoạt động của tổ hòa giải (mua văn phòng phẩm, sao chụp tài liệu, nước uống phục vụ các cuộc họp của tổ hòa giải): 6.500.000 đồng;

(Có danh mục chi tiết kèm theo)

Trên đây là báo cáo tình hình, kết quả thực hiện các quy định của pháp luật về hòa giải ở cơ sở đơn vị xã Nguyễn Huệ xin báo cáo đến các đồng chí năm, chỉ đạo./.

Nơi nhận:

- Phòng Tư pháp;
- CT, các PCT UBND xã;
- Lưu: VP.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Thị Thúy

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN HUÂN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Nguyễn Huân, ngày 01 tháng 7 năm 2019

DANH SÁCH

HỘI ĐỒNG HOA GIẢI TRANH CHẤP ĐẤT ĐAI XÃ NGUYỄN HUÂN NĂM 2020

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 10/BC-UBND ngày 01/7/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Huân)



Số TT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Chức vụ	Tình độ CM, NV	Chức vụ HĐHG	Ghi chú
		Nam	Nữ					
01	Phan Hoàng Nhơn	1969		Kinh	Chủ tịch UBND xã	Cử nhân Luật	Chủ tịch Hội đồng	
02	Phan Phong Phú	1986		Kinh	Công chức TP-HT	Cử nhân Luật	Phó chủ tịch HĐ “TT”	
03	Lục Minh Triều	1972		Kinh	CT. UBNDTTQVN xã	Cử nhân Luật	Phó chủ tịch HĐ	
04	Nguyễn Văn Tiên	1979		Kinh	Công chức VP-TK	Đại học Triết	Thành viên HĐ	
05	Tô Quốc Hờ	1979		Kinh	Chỉ huy trưởng BCH QS	ĐH Hành chính	Thành viên HĐ	
06	Dương Văn Bước	1983		Kinh	Trưởng Công an xã	ĐH An ninh	Thành viên HĐ	
07	Trịnh Hồng Như		1986	Kinh	Công chức TC-KT	ĐH Kế toán	Thành viên HĐ	
08	Nguyễn Hữu Trí	1973		Kinh	Công chức Địa chính	ĐH Địa chính	Thành viên HĐ	
09	Nguyễn Chí Linh	1976		Kinh	Chủ tịch Hội Nông dân xã	Cử nhân Luật	Thành viên HĐ	
10	Võ Hoàng Mai	1970		Kinh	Chủ tịch HCCC xã	Chưa qua đào tạo	Thành viên HĐ	
11	Hồ Kiều Trang		1989	Kinh	Bí thư xã đoàn	Cao đẳng	Thành viên HĐ	
12	Lâm Mỹ Dung		1963	Kinh	Chủ tịch Hội phụ nữ xã	Trung cấp HC	Thành viên HĐ	
13	Hứa Thị Huệ		1981	Kinh	Côn chức TP-HT	Cử nhân Luật	Thư ký HĐ	

Tổng 13 đồng chí (trong đó: 09 nam, 04 nữ)

DANH SÁCH

TỔ HÒA CÁC ẤP TRÊN ĐỊA BÀN XÃ NGUYỄN HUÂN

(Ban hành kèm theo Báo cáo số 100/BC-UBND, ngày 01/7/2020 của Ủy ban nhân dân xã Nguyễn Huân)



Số TT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Chức vụ ấp	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	Chức vụ tổ hòa giải	Ghi chú
		Nam	Nữ					
ẤP VÀM ĐÀM								
I								
1	Đoàn Văn Kiều	1955		Kinh	Chi Hội trưởng HCCB ấp	Chưa qua đào tạo	Tổ trưởng	
2	Tiêu Minh Điều	1970		Kinh	Trưởng BCTMT ấp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên	
3	Nguyễn Việt Kha	1991		Kinh	Bí thư Chi đoàn	Chưa qua đào tạo	Tổ viên	
4	La Ái Linh		1967	Khmer	Chi hội trưởng Hội phụ nữ ấp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên	
5	Trần Thành Tổng	1969		Kinh	Chi hội trưởng Hội Nông dân ấp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên	
6	Dương Văn On	1943		Kinh	Chi hội trưởng Hội Người cao tuổi	Chưa qua đào tạo	Tổ viên	
7	Cao Hoàng Văn	1956		Kinh	Tổ trưởng Tổ NDTQ ấp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên	
Tổng số: 07 thành viên, có 01 nữ, 01 dân tộc Khmer								
ẤP HẢI AN								
II								
1	Nguyễn Văn Hùng	1974		Kinh	Trưởng BCTMT ấp	Chưa qua đào tạo	Tổ trưởng	
2	Trần Thanh Phong	1982		Kinh	Phó Ban nhân dân ấp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên	
3	Trịnh Thê Khanh	1989		Kinh	Bí thư chi đoàn ấp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên	
4	Nguyễn Thị Em		1969	Kinh	Chi hội trưởng Hội phụ nữ ấp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên	
5	Nguyễn Văn Dương	1953		Kinh	Chi hội trưởng Hội CCB ấp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên	

6	Mai Văn Cứ	1957		Kinh	Chi hội trưởng Hội Người cao tuổi ấp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
7	Nguyễn Văn Ý	1989		Kinh	Phó Bí thư chi đoàn ấp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên

Tổng số: 07 thành viên, có 01 nữ

ẤP VĂN LUYỆN

1	Hồ Quốc Đầu	1966		Kinh	Trưởng ấp	Chưa qua đào tạo	Tổ trưởng
2	Hồ Tuấn Kiệt	1969		Kinh	Công an viên phụ trách ấp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
3	Phan Hoàng Phương	1958		Kinh	Trưởng Ban CTMT ấp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
4	Trương Thị Dũng		1963	Kinh	Chi hội trưởng Hội phụ nữ ấp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
5	Phạm Chí Tâm	2001		Kinh	Bí thư Chi đoàn ấp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
6	Lâm Văn Tuấn	1969		Kinh	Phó Ban nhân dân ấp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
7	Lê Thị Phương		1964	Kinh	Chi hội trưởng Hội Nông dân ấp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên

Tổng số: 07 thành viên, có 02 nữ

ẤP TÂN THÀNH

1	Nguyễn Hoàng Dũng	1960		Kinh	Trưởng BCTMT ấp	Chưa qua đào tạo	Tổ trưởng
2	Huỳnh Tấn Phước	1958		Kinh	Chi hội trưởng Hội CCB ấp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
3	Nguyễn Trường Giang	1985		Kinh	Bí thư Chi đoàn ấp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
4	Phạm Văn Dũng	1953		Kinh	Chi hội trưởng Hội Nông dân ấp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
5	Huỳnh Thị Liễu		1968	Kinh	Chi hội trưởng Hội Phụ nữ ấp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
6	Huỳnh Văn Lương	1957		Kinh	Chi hội phó Hội CCB ấp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
7	Trương Phú Thọ	1953		Kinh	Chi hội trưởng Hội Người cao tuổi	Chưa qua đào tạo	Tổ viên

Tổng số: 07 thành viên, có 01 nữ

ẤP TÂN HOÀ

1	Huỳnh Hoàng Năng	1963		Kinh	Trưởng Ban công tác MT ấp	Chưa qua đào tạo	Tổ trưởng
2	Nguyễn Trung Hiếu	2000		Kinh	Bí thư Chi đoàn ấp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên

3	Lữ Văn Việt	1973		Kinh	Chi hội trưởng Hội Nông dân áp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
4	Dương Mộng Linh		1976	Kinh	Chi hội trưởng Hội phụ nữ áp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
5	Trương Văn Do	1956		Kinh	Chi hội trưởng Hội CCB áp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
6	Lý Công Dội	1960		Kinh	Phó Ban nhân dân áp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
7	Trịnh Hoàng Bé	1948		Kinh	Chi hội trưởng Hội Người cao tuổi	Chưa qua đào tạo	Tổ viên

Tổng số: 07 thành viên, có 01 nữ

ÁP TÂN HIỆP

VI							
1	Trần Thành Công	1965		Kinh	Trưởng Ban công tác MT áp	Chưa qua đào tạo	Tổ trưởng
2	Huỳnh Kiều Duyên	1998		Kinh	Bí thư Chi đoàn áp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
3	Diệp Xuân Lợi	1958		Kinh	Chi hội trưởng Hội CCB áp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
4	Dương Ngọc Thủy		1976	Kinh	Chi hội trưởng Hội phụ nữ áp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
5	Trần Sơn Hà	1965		Kinh	Phó Trưởng Ban công tác MT áp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
6	Trần Văn Hồ	1949		Kinh	Chi hội trưởng Hội CCB áp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
7	Lê Quốc Phương	1979		Kinh	Chi hội trưởng Hội Nông dân áp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên

Tổng số: 07 thành viên, có 01 nữ

ÁP MINH HÙNG

VII							
1	Huỳnh Kiều Phương	1982		Kinh	Trưởng ban CTMT áp	Chưa qua đào tạo	Tổ trưởng
2	Trần Nhật Lìl	1990		Kinh	Bí thư Chi đoàn áp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
3	Huỳnh Văn Hùng	1959		Kinh	Chi hội trưởng Hội Nông dân áp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
4	Huỳnh Mỹ Vân		1964	Kinh	Chi hội trưởng Hội phụ nữ áp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
5	Trần Văn Tâm	1968		Kinh	Phó Ban nhân áp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
6	Trần Văn Sinh	1953		Kinh	Chi hội trưởng Hội CCB áp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
7	Huỳnh Kha	1995		Kinh	Công an viện phụ trách áp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên

Tổng số: 07 thành viên, có 01 nữ

ẤP ẢNH DÂN

VIII						
1	Dương Văn Chiến	1952	Kinh	Chi hội trưởng Hội CCB ấp	Chưa qua đào tạo	Tổ trưởng
2	Trần Chí Tổng	1987	Kinh	Bí thư đoàn ấp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
3	Trần Văn Bul	1953	Kinh	Chi hội trưởng Hội Nông dân ấp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
4	Nguyễn Thị Ngâu	1964	Kinh	Chi hội trưởng Hội phụ nữ ấp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
5	Nguyễn Diên Sơn	1985	Kinh	Phó Trưởng ấp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
6	Nguyễn Thị Hai	1974	Kinh	Trưởng ban CTMT ấp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
7	Nguyễn Công Danh	1947	Kinh	Chi hội phó Hội CCB ấp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên

Tổng số: 07 thành viên, có 02 nữ**ẤP PHÚ NHUẬN**

IX						
1	Trình Hoàng Việt	1960	Kinh	Trưởng ấp	Chưa qua đào tạo	Tổ trưởng
2	Trần Trọng Tín	1990	Kinh	Bí thư Chi đoàn ấp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
3	Trần Minh Chiến	1954	Kinh	Trưởng ban CTMT ấp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
4	Phạm Kim Quon	1961	Kinh	Chi hội trưởng Hội phụ nữ ấp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
5	Trương Minh Khởi	1930	Kinh	Công viên phụ trách ấp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
6	Lê Thành Trung	1979	Kinh	Chi hội trưởng Hội Nông dân ấp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
7	Trương Minh Hoàng	1945	Kinh	Chi hội trưởng Hội CCB ấp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên

Tổng số: 07 thành viên, có 01 nữ**ẤP CHÁNH TÀI**

X						
1	Nguyễn Tấn Đức	1946	Kinh	Chi hội trưởng Hội Nông dân ấp	Chưa qua đào tạo	Tổ trưởng
2	Lâm Trung Thương	1979	Kinh	Bí thư Chi đoàn ấp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
3	Nguyễn Văn Đờ	1950	Kinh	Chi hội trưởng Hội CCB ấp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
4	Hồ Thị Mùi	1958	Kinh	Chi hội trưởng Hội phụ nữ ấp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
5	Trần Ánh Nguyệt	1976	Kinh	Chi hội phó Hội phụ nữ ấp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên

6	Diệp Anh Tèo	1962	Kinh	Công an viên phụ trách áp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
7	Nguyễn Thanh Hùng	1958	Kinh	Trưởng Ban công tác MT áp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên

Tổng số: 07 thành viên, có 03 nữ

ÁP HỒNG PHƯỚC

XI						
1	Lê Song Tùng	1959	Kinh	Đảng viên Chi bộ áp	Chưa qua đào tạo	Tổ trưởng
2	Mai Hữu Nhật	1993	Kinh	Bí thư Chi đoàn áp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
3	Lê Minh Sang	1949	Kinh	Chi hội trưởng Hội CCB áp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
4	Lê Thị Hương	1965	Kinh	Chi hội trưởng Hội phụ nữ áp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
5	Trương Xuân Mới	1963	Kinh	áp Đội trưởng	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
6	Võ Đông Sơ	1962	Kinh	Trưởng Ban công tác MT áp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
7	Lê Văn Khỏe	1965	Kinh	Chi hội trưởng Hội Nông dân áp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên

Tổng số: 07 thành viên, có 01 nữ

ÁP HIỆP DƯ

XII						
1	Nguyễn Thanh Hiền	1969	Kinh	Đảng viên Chi bộ áp	Chưa qua đào tạo	Tổ trưởng
2	Võ Đông Xuân	1989	Kinh	Bí thư Chi đoàn áp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
3	Nguyễn Minh sơn	1963	Kinh	Chi hội trưởng Hội CCB áp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
4	Thái Thị Chín	1971	Kinh	Chi hội trưởng Hội phụ nữ áp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
5	Phan Minh Điều	1969	Kinh	Đảng viên Chi bộ áp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
6	Nguyễn Chí Công	1967	Kinh	Phó Ban nhân dân áp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
7	Phạm Hoài Hận	1964	Kinh	Chi hội trưởng Hội Nông dân áp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên

Tổng số: 07 thành viên, có 01 nữ

ÁP MAI HOA

XIII						
1	Trần Văn Hấu	1944	Kinh	Chi hội trưởng Hội CCB áp	Chưa qua đào tạo	Tổ trưởng
2	Trần Hải Đăng	1993	Kinh	Bí thư Chi đoàn áp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên

3	Nguyễn Thành Tài	1958		Kinh	Phó trưởng ấp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
4	Lâm Thị Nhân		1970	Kinh	Chi hội trưởng Hội phụ nữ ấp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
5	Dương Hải Ý	1985		Kinh	Trưởng Ban CTMT ấp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
6	Phạm Văn Lớn	1958		Kinh	Chi hội trưởng Người cao tuổi	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
7	Trình Hoài Ân	1972		Kinh	Chi hội trưởng Hội Nông dân ấp	Chưa qua đào tạo	Tổ viên
Tổng số: 07 thành viên, có 01 nữ							

- Tổng số: có 13 tổ hòa giải, trong đó: có 91 thành viên, 17 nữ, 01 dân tộc Khmer.